

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----@-----

Bản án số: 02/2018/DS - ST

Ngày 21/9/2018

(V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thiện Thành**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Đình Công Hiến**

Ông **Đình Duy Quyết**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên tòa:
Bà **Tạ Thị Huyền** - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST- DS ngày 26 tháng 01 năm 2018, về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 07 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-DS ngày 24/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1970; địa chỉ số nhà 878 đường T, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh N. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1970; địa chỉ thôn H, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2018, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Ngày 27/01/2011, bà Nguyễn Thị Thu H cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi cho vay hai bên chỉ làm giấy vay tiền viết tay, không thế chấp tài sản, lãi suất thỏa thuận 3%/1 tháng, thời hạn trả nợ sau một tháng kể từ ngày vay tiền. Quá thời hạn trả tiền, bà H nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ, nhưng đến nay bà N vẫn không trả cho bà H số tiền nào. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà H một lần số tiền nợ gốc

200.000.000 đồng và số tiền lãi xuất 0,75%/tháng; (kể từ ngày 27/01/2011 đến ngày 27/8/2018) là 136.500.000 đồng đối với số tiền vay 200.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của bị đơn không đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H, buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 336.500.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng); bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N thanh toán khoản nợ vay; bà Nguyễn Thị N có địa chỉ thường trú tại xã G, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, Điều 209 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị N (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án:

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà H một lần số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và số tiền lãi xuất 0,75%/tháng; kể từ ngày 27/01/2011 đến ngày 27/8/2018 là 136.500.000 đồng trên số tiền vay 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn bà Nguyễn Thị N có vay tiền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu

H được thể hiện qua tờ giấy vay tiền ghi ngày 27/01/2011, do bà N nhận và ký tên vay với số tiền 200.000.000 đồng; Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N, Tòa án đã thực hiện thủ tục xác minh tình trạng cư trú và tổng đạt Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc đã thanh toán khoản nợ mà bà H yêu cầu cho bà N theo quy định, nhưng bà N không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì: Chứng cứ là giấy vay tiền ghi ngày 27/01/2011 có giá trị pháp lý. Căn cứ nội dung của giấy vay tiền này thì có đủ cơ sở để xác định bà N có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng, cho đến thời điểm xét xử bà N cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả số tiền vay trên.

Mặc dù việc vay tiền phát sinh trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, nhưng theo điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, Tòa án áp dụng những quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H đòi bà Nguyễn Thị N số tiền lãi suất 0,75%/tháng; kể từ ngày 27/01/2011 đến ngày 27/8/2018 là 136.500.000 đồng trên số tiền vay 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền bà Nguyễn Thị N còn nợ bà Nguyễn Thị Thu H là 200.000.000 đồng. Thời điểm nợ từ ngày 27/01/2011 đến ngày 27/8/2018 là 91 tháng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H đề nghị tính mức lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cụ thể: $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 91 \text{ tháng} = 136.500.000 \text{ đồng}$. Như vậy tổng cộng số tiền gốc và lãi bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu H là: $200.000.000 \text{ đồng} + 136.500.000 \text{ đồng} = 336.500.000 \text{ đồng}$ là có căn cứ.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí, bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $336.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 16.825.000 \text{ đồng}$.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm

2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H;

Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền là 336.500.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng); trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi 136.500.000 đồng.

Trong tr-ờng hợp bên có nghĩa vụ trậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 16.825.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2010/04150 ngày 26/01/2018.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

NƠI NHẬN

- Tòa án ND tỉnh N;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A.DS huyện V;
- VKSND huyện V;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Hà Thiện Thành